TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 439/2023/QĐST-HNGĐ	*Ninh Hòa, ngày 01 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 762/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê N, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Bà Trương T, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê N và bà Trương T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê N và bà Trương T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Lê K, sinh ngày 01/02/2018 cho bà Trương T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Lê N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2023.

Ông Lê N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Lê N và bà Trương T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê N và bà Trương T đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

Về án phí: Ông Lê N và bà Trương T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm về giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình. Ông N phải nộp 150.000đ

án phí cấp dưỡng. Ông N tự nguyện nộp thay án phí cho bà T. Tổng cộng số tiền ông N phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001622 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông N, bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực của pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, GCNKH số:
98, quyển 06/2015 ngày 29/10/2015;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thùy My